

Số: **105**/QĐ-ĐHNLBG-ĐT

Bắc Giang, ngày **22** tháng 2 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận trúng tuyển liên thông trình độ đại học
hình thức chính quy và vừa làm vừa học đợt 01 tháng 02 năm 2023**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Quyết định số 133/QĐ-TTg ngày 20/01/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang; Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB ngày 20/5/2019 sửa đổi các khoản 3, 4, 5 Điều 3 Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 4790/QĐ-BNN-TCCB ngày 03/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành quy định về phân cấp, ủy quyền quản lý công chức, viên chức của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-ĐHNLBG ngày 27/12/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc ban hành Quy định tuyển sinh, đào tạo liên thông trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non;

Căn cứ biên bản của Hội đồng tuyển sinh ngày 15/02/2023 về việc xét công nhận trúng tuyển liên thông trình độ đại học đợt 01 tháng 02 năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận thí sinh trúng tuyển liên thông trình độ đại học hình thức chính quy và vừa làm vừa học đợt 01 tháng 02 năm 2023.

(Có danh sách thí sinh theo ngành và hình thức đào tạo kèm theo).

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc trường, cán bộ viên chức, người lao động và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: 

- BGH, CT HĐT;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT.



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC CHÍNH QUY VÀ VỪA LÀM VỪA HỌC ĐỢT 01 THÁNG 02 NĂM 2023(Kèm theo Quyết định số: 105/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 22 tháng 02 năm 2023
của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm xét tuyển	Ngành đăng ký xét tuyển	Hình thức đăng ký xét tuyển
1, Liên thông Cao đẳng - Đại học							
1	1	Lê Thị Mỹ Hằng	01/05/1998	Nữ	9.1	Công nghệ thực phẩm	VLVH
2	2	Trần Hồng Thái	02/05/1990	Nam	8.2	Công nghệ thực phẩm	VLVH
3	3	Nguyễn Chí Thiện Tường	16/02/1995	Nam	8.1	Công nghệ thực phẩm	VLVH
4	4	Đỗ Thị Minh Thắm	10/02/1991	Nữ	7.8	Công nghệ thực phẩm	VLVH
5	5	Trần Thị Sương	29/05/1995	Nữ	7.7	Công nghệ thực phẩm	VLVH
6	6	Lê Đình Vũ	16/11/1993	Nam	7.7	Công nghệ thực phẩm	VLVH
7	7	Tổng Thị Hằng	05/02/1995	Nữ	7.6	Công nghệ thực phẩm	VLVH
8	8	Phạm Xuân Khấn	10/09/1994	Nam	7.6	Công nghệ thực phẩm	VLVH
9	9	Nguyễn Thị Tuyết	15/05/1993	Nữ	7.5	Công nghệ thực phẩm	VLVH
10	10	Đinh Quang Thắng	15/05/1994	Nam	7.4	Công nghệ thực phẩm	VLVH
11	11	Đỗ Thanh Tú	29/03/1995	Nam	7.4	Công nghệ thực phẩm	VLVH
12	12	Nguyễn Tấn Lộc	10/09/1985	Nam	7.2	Công nghệ thực phẩm	VLVH
13	13	Nguyễn Đình Phong	15/09/1989	Nam	7.1	Công nghệ thực phẩm	VLVH
14	14	Mai Thị Hương	06/10/1993	Nữ	7.0	Công nghệ thực phẩm	VLVH
15	15	Trần Thị Bích Trâm	31/05/1987	Nữ	7.0	Công nghệ thực phẩm	VLVH
16	16	Nguyễn Thị Thúy Phượng	07/10/1985	Nữ	7.0	Công nghệ thực phẩm	VLVH
17	17	Phạm Thị Chi Na	01/10/1987	Nữ	6.9	Công nghệ thực phẩm	VLVH
18	18	Trần Phương Thảo	15/05/1995	Nữ	6.8	Công nghệ thực phẩm	VLVH
19	19	Phạm Chí Trung	01/11/1994	Nam	6.8	Công nghệ thực phẩm	VLVH
20	20	Phan Thị Ánh Nguyệt	10/07/1984	Nữ	6.7	Công nghệ thực phẩm	VLVH
21	21	Hoàng Tiến Đức	05/09/1993	Nam	6.5	Công nghệ thực phẩm	VLVH
22	22	Nguyễn Thị Thuý Dương	01/09/1997	Nữ	7.2	Kế toán	Chính quy
23	23	Ngô Thị Thanh	02/06/1990	Nữ	7.1	Kế toán	VLVH
24	24	Nguyễn Thị Hương	01/10/1990	Nữ	6.9	Kế toán	Chính quy
25	25	Trần Thị Thu Hà	10/10/1995	Nữ	6.2	Kế toán	VLVH
26	26	Lục Văn Hiệp	06/10/1981	Nam	7.6	Khoa học cây trồng	Chính quy
27	27	Chu Văn Bình	16/01/1984	Nam	7.3	Khoa học cây trồng	Chính quy
28	28	Đặng Thị Thương	07/08/1995	Nữ	6.8	Khoa học cây trồng	Chính quy
29	29	Đinh Văn Đại	21/01/1993	Nam	7.5	Quản lý đất đai	VLVH
30	30	K' Miên	20/12/1999	Nam	7.1	Quản lý đất đai	VLVH
31	31	Vũ Tiến Tuấn	04/02/1999	Nam	6.8	Quản lý đất đai	VLVH
32	32	Lê Hoàng Minh	25/08/1995	Nam	6.3	Quản lý đất đai	VLVH
33	33	Nguyễn Ngọc Hoàng	26/10/1993	Nam	6.3	Quản lý đất đai	VLVH
34	34	Lê Xuân Phương	08/11/1992	Nam	5.9	Quản lý đất đai	VLVH
35	35	Nguyễn Văn Thảo	21/11/1996	Nam	8.6	Thú y	Chính quy
36	36	Chu Thị Thơ	14/02/2000	Nữ	7.9	Thú y	Chính quy
37	37	Nguyễn Nhất Phong	01/12/1998	Nam	7.7	Thú y	Chính quy
38	38	Nguyễn Quán Tuấn	13/04/2002	Nam	7.2	Thú y	Chính quy
39	39	Đỗ Thiên Hải	24/07/1995	Nam	6.9	Thú y	VLVH
40	40	Hà Thanh Hưng	19/01/1998	Nam	6.9	Thú y	VLVH

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm xét tuyển	Ngành đăng ký xét tuyển	Hình thức đăng ký xét tuyển
41	Nguyễn Thị Ly	24/05/1996	Nữ	6.9	Thú y	VLVH
42	Phạm Thị Thơ	12/06/1976	Nữ	6.8	Thú y	Chính quy
43	Hà Đức Trọng	03/08/1999	Nam	6.6	Thú y	VLVH
44	Nguyễn Thành Vinh	02/08/1985	Nam	6.5	Thú y	VLVH
45	Võ Hoài Nam	12/01/1998	Nam	6.4	Thú y	VLVH
46	Nguyễn Thị Vân	19/07/1998	Nữ	6.4	Thú y	VLVH
47	Nguyễn Tiến Linh	12/10/1997	Nam	6.1	Thú y	Chính quy

2. Liên thông Đại học - Đại học

48	1	Nguyễn Thị Mai	15/09/1991	Nữ	8.1	Công nghệ thực phẩm	VLVH
49	2	Phạm Như Trinh	09/03/1990	Nam	6.9	Công nghệ thực phẩm	VLVH
50	3	Văn Quốc Phúc	10/10/1983	Nam	6.6	Công nghệ thực phẩm	VLVH
51	4	Trần Ngọc Tâm	05/11/1988	Nam	6.2	Công nghệ thực phẩm	VLVH
52	5	Nguyễn Thuý Dương	01/12/1991	Nữ	6.9	Kế toán	Chính quy
53	6	Lương Hoàng Mạnh Hà	07/09/1981	Nam	6.7	Kế toán	Chính quy
54	7	Nguyễn Thị Minh Huệ	22/04/1980	Nữ	7.1	Khoa học cây trồng	Chính quy
55	8	Nguyễn Ngọc Vũ	10/12/1991	Nam	6.5	Khoa học cây trồng	Chính quy
56	9	Nguyễn Đăng Nghĩa	02/06/1988	Nam	6.6	Quản lý đất đai	VLVH
57	10	Phan Bá Định	01/02/1976	Nam	5.9	Quản lý đất đai	VLVH
58	11	Lê Thanh Long	15/05/1975	Nam	5.9	Quản lý đất đai	VLVH
59	12	Doanh Đức Thảo	06/08/1991	Nam	5.8	Quản lý đất đai	VLVH
60	13	Bùi Thị Thanh Hào	10/08/1988	Nữ	7.6	Thú y	Chính quy

3. Liên thông Trung cấp - Đại học

61	1	Bùi Thị Lợi	17/10/1993	Nữ	8.1	Kế toán	VLVH
62	2	Hứa Thị Mỹ Dung	12/04/1986	Nữ	7.7	Kế toán	VLVH
63	3	Nguyễn Thị Hoàng Phương	27/08/2004	Nữ	7.5	Kế toán	Chính quy
64	4	Nguyễn Thị Phương Yên	02/12/1985	Nữ	7.0	Kế toán	VLVH
65	5	Trần Quý Tân	18/08/1996	Nam	6.6	Kế toán	VLVH
66	6	Lê Nguyễn Quỳnh Anh	03/03/2003	Nữ	6.2	Kế toán	VLVH
67	7	Hoàng Thanh Tuấn	14/12/1980	Nam	7.7	Khoa học cây trồng	Chính quy
68	8	Hoàng Thanh Tú	09/05/1988	Nam	7.3	Khoa học cây trồng	Chính quy
69	9	Chu Văn Đạt	16/09/1981	Nam	7.2	Khoa học cây trồng	Chính quy
70	10	Phan Thị Thảo	03/02/1988	Nữ	6.9	Khoa học cây trồng	Chính quy
71	11	Lê Xuân Huy	15/06/1992	Nam	7.9	Quản lý đất đai	VLVH
72	12	Đoàn Thanh Sang	11/04/1994	Nam	7.5	Quản lý đất đai	VLVH
73	13	Nguyễn Ngọc Tuấn	11/11/1990	Nam	7.1	Quản lý đất đai	VLVH
74	14	Vũ Văn Sinh	30/03/1989	Nam	6.7	Quản lý đất đai	VLVH
75	15	Nguyễn Văn Nhân	11/10/1987	Nam	6.0	Quản lý đất đai	VLVH
76	16	Vũ Thị Thu	25/08/1993	Nữ	7.1	Thú y	Chính quy
77	17	Nguyễn Văn Bảy	08/02/1990	Nam	6.5	Thú y	Chính quy
78	18	Nguyễn Văn Ngọc	15/06/1988	Nam	6.5	Thú y	Chính quy

(Tổng số 78 thí sinh theo danh sách)